

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ CHU GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ CHU GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHU GIA INVESTING, TRADING & SERVICES LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: CHUGIA ITS CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109839403

3. Ngày thành lập: 30/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

LK08, Lô NO-07 đường Hồng Tiến, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868325688

Fax:

Email: chugia.ltdcompany@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
2.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
5.	Giáo dục nhà trẻ	8511
6.	Giáo dục mẫu giáo	8512
7.	Giáo dục tiểu học	8521
8.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
9.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
10.	Đào tạo sơ cấp	8531
11.	Đào tạo trung cấp	8532
12.	Đào tạo cao đẳng	8533
13.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
14.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
15.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
16.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
17.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
18.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
19.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
20.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
21.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730

22.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
23.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Trừ hoạt động nhà báo độc lập	9000
24.	Hoạt động thể thao khác	9319
25.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
26.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
27.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
28.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
29.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
30.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
31.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
32.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
33.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
34.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
35.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
36.	Quảng cáo	7310
37.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
38.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
39.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
40.	Cho thuê xe có động cơ	7710
41.	Bán buôn tổng hợp	4690
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ hoạt động đấu giá	4722
46.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
47.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
48.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
49.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
50.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
51.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
52.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
53.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
54.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
55.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074

56.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
57.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
58.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
59.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
60.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
62.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
65.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
66.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
67.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
68.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
69.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
70.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
71.	Hoạt động hậu kỳ	5912
72.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
73.	Hoạt động chiếu phim	5914
74.	Hoạt động phát thanh	6010
75.	Hoạt động truyền hình	6021
76.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu theo quy định tại Nghị định số 94/2017/NĐ-CP ngày 10/8/2017 của Chính phủ về hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại.	4773

6. Vốn điều lệ: 200.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HOÀI LINH	Việt Nam	Số 54E, Ngõ 424, Đường Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	120.000.000	60,000	001184038809	
2	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	Việt Nam	Số 18, Ngõ Yên Ninh, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	80.000.000	40,000	001183039885	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HOÀI LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184038809

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 54E, Ngõ 424, Đường Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 54E, Ngõ 424, Đường Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội